

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam - Năm báo cáo 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Procimex Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0400100506 ngày 11/06/2013

Vốn điều lệ: 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng)

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Số điện thoại: 0236.3.737.077

Số fax: 0236.3.737.789

Website: procimex-fish.com.vn/procimex.com.vn

Mã cổ phiếu: PRO

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Kinh doanh chế biến hàng XNK Đà Nẵng trước đây là xí nghiệp chăn nuôi và chế biến gia súc trực thuộc Công ty Nông sản thực phẩm QNĐN.

- Năm 1990, đơn vị tách ra khỏi công ty và được đổi tên là Xí nghiệp chế biến thực phẩm đông lạnh xuất khẩu, là đơn vị hoạch toán độc lập thuộc Sở thương mại QNĐN theo quyết định số 311/QĐUB ngày 08/03/1990 của Ủy ban nhân dân Tỉnh QNĐN.

- Năm 1992, đơn vị được sắp xếp trao quyền sử dụng và bảo toàn phát triển vốn theo quyết định số 766/QĐUB ngày 11/03/1992 của UBND Tỉnh QNĐN.

- Năm 1994, được đổi tên thành Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK- QNĐN theo quyết định số 725/QĐUB ngày 24/04/1994 mà UBND Tỉnh QNĐN, trực thuộc sự quản lý của Nhà nước do Sở Thương mại cấp giấy phép kinh doanh số 03/11/1016 ngày 01/01/1994.

Tên công ty: Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK Đà Nẵng

Tên giao dịch: Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK Đà Nẵng

Địa chỉ: Lô C1 Khu công nghiệp Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng.

- Năm 2007, Quyết định về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Công ty Kinh doanh Chế biến hàng XNK Đà Nẵng thành Công ty cổ phần Procimex Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3203001785 ngày 02 tháng 01 năm 2008.

Tên công ty: Công ty Cổ phần Procimex Việt Nam

Địa chỉ: Tổ 112, Khối Đà Sơn, P. Hoà Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng.

Điện thoại: 0236.3.737.077 / 3.737.789

Email : info@procimex.com.vn

- Thời điểm niêm yết: 10/10/2014

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, súc sản, nông sản. Kinh doanh nông ngư nghiệp. Dịch vụ sơ chế các sản phẩm nông nghiệp bao gồm: thủy sản, súc sản, gia cầm, nông sản. Dịch vụ cấp đông và bảo quản lạnh các sản phẩm đông lạnh.

- Địa bàn kinh doanh :

+ Trong nước: Thành phố Đà Nẵng – Việt Nam.

+ Khu vực ngoài nước: Các nước trên Thế giới, thị trường các nước Trung Đông.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị.

Cơ cấu bộ máy quản lý.

Công ty con: Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Đà Nẵng (tiền thân là Trung tâm chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng)

Địa chỉ: Tổ 112 Đà Sơn, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ 20 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn của Công ty: 100%

Cung cấp các dịch vụ giết mổ, chế biến gia súc gia cầm.

Công ty góp vốn: Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Kenai

Địa chỉ: Số nhà 19, thôn Thanh Sơn, Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Vốn điều lệ 55 tỷ đồng, tỷ lệ góp vốn của Công ty: 48%

Chuyên kinh doanh và sản xuất phân vi sinh hữu cơ, kinh doanh nông sản như tiêu, cà phê.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Mở rộng thị trường tiêu thụ, phát triển thêm các mặt hàng, tăng doanh thu.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Các mục tiêu phát triển bền vững: Trước mắt, có thể làm những sản phẩm giá trị gia tăng từ những sản phẩm đã làm tại Công ty, sau đó có thể phát triển thêm những sản phẩm khác tùy thuộc vào tình hình nguyên liệu và nhu cầu tiêu thụ của khách hàng.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: tích cực nghiên cứu và mua sắm các hệ thống xử lý nước thải, đã kết hợp với các chuyên gia tư vấn về môi trường và luôn có ý thức bảo vệ môi trường. Ban lãnh đạo công ty chủ động, tích cực trong việc tìm kiếm thị trường, tăng việc làm và thu nhập cho người lao động.

5. Các rủi ro : Do tình hình kinh tế thế giới bất ổn nên cũng gây ảnh hưởng không ít tới nền kinh tế thị trường trong nước. Do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi từ đầu năm 2019 nên ảnh hưởng lớn đến doanh thu của Công ty

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	KH 2019	TH 2019	Chênh lệch
I-	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ			
1-	DV chế biến gia súc gia cầm (con)			
	Dịch vụ chế biến heo	438,773	406,170	-7.43%
	Dịch vụ chế biến dê	2,972	3,865	30.05%
	Dịch vụ chế biến bò	14,405	17,482	21.36%
	Dịch vụ chế biến gia cầm	487,935	443,493	-9.11%
2-	Lĩnh vực nông nghiệp (tấn)			
	Tiêu xô, tiêu hữu cơ			
II-	Chỉ tiêu tài chính (triệu đồng)			
1-	DT thuần bán hàng, cung cấp DV	39,809	22,434	-43.65%
	Doanh thu bán tiêu	20,398	3,760	-81.57%
	Doanh thu DV gia súc gia cầm	19,411	18,674	-3.80%
2-	Doanh thu khác	157	-	-100.00%
3-	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,000	(2,712)	-235.60%
III	Chỉ tiêu khác			
1-	Tiền lương	10,000	1,010	-89.90%
2-	Lao động	28	15	-46.43%
3-	Thu nhập bình quân(đồng/ng/tháng)	5,000,000	5,614,719	12.29%
4-	Đầu tư xây dựng cơ bản	11,000	-	-100.00%
	Xây dựng, sửa chữa cơ bản	1,500	-	-100.00%
	Hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải	500	-	-100.00%
	Xây mới các dây chuyền giết mổ tự động	1,000	-	-100.00%
	Xây dựng khu mua bán heo mảnh	8,000	-	-100.00%

- Các kết quả đạt được trong năm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện chi tiết trong Báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán.

- Kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên Công ty đã hoàn nhập dự phòng số tiền **16.245.121.000đ** (Bằng chữ: Mười sáu tỷ hai trăm bốn mươi lăm triệu một trăm hai mươi mốt nghìn đồng chẵn) từ khoản nộp bồi thường theo Quyết định số 46/2019/HS/QĐ-CTHADS ngày 05/12/2018 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Đà Nẵng về thi hành án trong vụ án “Tham ô tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” do ông Nguyễn Điềm, bà Bùi Thị Hoà, và bà Đoàn Thị Anh Thư đồng phạm, đây là một phần khắc phục trong tổng số tiền tham ô 25.36 tỷ của vụ án.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

+ Ông: Phạm Tuấn Anh

+ Ông: Lê Tất Chánh

+ Bà: Bùi Thị Thanh Thúy

Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng giám đốc

Phó Tổng giám đốc

Phụ trách Kế toán

TT	NỘI DUNG	31/12/2019		
		SỐ NGƯỜI	TỶ LỆ	
I	Phân theo trình độ lao động		15	100%
1	Trình độ trên đại học		1	6,67%
2	Trình độ đại học		4	26,67%
3	Trình độ cao đẳng			
4	Công nhân kỹ thuật			
5	Sơ cấp lao động phổ thông		10	66,66%
6	Lao động khác			
II	Phân theo tính chất HĐLĐ		15	100%
1	Lao động hợp đồng từ 1-3 năm			
2	Lao động hợp đồng không xác định		15	100%
3	Lao động thời gian thử việc		0	0%

Những chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Đối với những người lao động chưa qua đào tạo công ty sẽ cho học tay nghề theo giáo trình với nội dung toàn diện, được biên soạn sát với thực tế sản xuất và các đơn hàng trong nhiều năm qua. Mục tiêu chung sau giai đoạn đào tạo là công nhân có tay nghề, kỹ năng nhất định, đủ khả năng tự học từ thực tế lao động và đáp ứng được yêu cầu trên chuyên sản xuất. Đối với những lao động đã tham gia các khóa đào tạo tay nghề và thi kiểm tra thì Công ty sẽ tiến hành ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc sẽ tăng hệ số lương. Công ty có chính sách thu hút lao động như đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tai nạn 24/24. Thời gian nghỉ ngơi: 7 ngày làm việc thì bố trí nghỉ 1 ngày.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Không có

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Đà Nẵng (tiền thân là Trung tâm chế biến Gia súc Gia cầm Đà Nẵng)

Địa chỉ: Tổ 112 Đà Sơn, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn: 20 tỷ đồng, tương đương với 100% tỉ lệ sở hữu.

Cung cấp các dịch vụ giết mổ, chế biến gia súc gia cầm.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: dưới chỉ tiêu đề ra do các rủi ro nêu trên.

Công ty góp vốn: Công ty CP Nông nghiệp Công nghệ cao Kenai

Địa chỉ: Số nhà 19, thôn Thanh Sơn, Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Vốn điều lệ, tỷ lệ góp vốn: 26.4 tỷ đồng, tương đương với 48% tỉ lệ sở hữu.

Chuyên kinh doanh và sản xuất phân vi sinh hữu cơ.

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh: Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là (15.151.743.277) đồng

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% thay đổi
1	Tổng giá trị tài sản	54,046,661,800	49,481,325,708	-8%
2	Doanh thu thuần	39,809,253,204	22,434,829,741	-44%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	4,777,596,225	(2,652,631,283)	-156%
4	Lợi nhuận khác	(28,074,143)	(45,298,189)	61%
5	Lợi nhuận trước thuế	4,749,522,082	(2,697,929,472)	-157%
6	Lợi nhuận sau thuế	3,860,072,835	(2,712,825,471)	-170%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	3.26	6.06	5.25
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	3.25	6.06	10.42
Cơ cấu tài sản - nguồn vốn				
Chỉ số nợ/tổng nguồn vốn	%	25.18	41.32	8.56
Chỉ số nợ/VCSH	%	33.66	70.42	9.36
Chỉ số nợ ngắn hạn/tổng nguồn vốn	%	18.27	10.21	4.30
Chỉ số TS ngắn hạn/Tổng tài sản	%	44.53	36.28	44.93
Chỉ số năng lực hoạt động				
Vòng quay các khoản phải thu	Vòng	52.87	4.92	0.15
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4.24	N/A	N/A
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0.74	0.87	0.45
Chỉ số khả năng sinh lời				
Chỉ số LNST/Doanh thu thuần	%	2.16	9.7	(12.09)
Chỉ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	1.91	12.96	(0.60)
Chỉ số LNST/Tổng tài sản (ROAA)	%	1.6	8.46	(5.48)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) *Cổ phần*: Tổng số cổ phiếu là: 3.000.000, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000đ. Số cổ phiếu đó thuộc loại cổ phiếu phổ thông, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu là 0.

b) *Cơ cấu cổ đông*

Cổ đông	Giá trị sở hữu (đồng)	Số lượng cổ phần (CP)	Tỷ lệ (%)
I. Cổ đông trong nước	30,000,000,000	3,000,000	100%
· Cá nhân	15,900,000,000	1,590,000	53%
- Cổ đông khác	15,900,000,000	1,590,000	53%
· Tổ chức	14,100,000,000	1,410,000	47%
- CTCP Tonkin Spices	14,100,000,000	1,410,000	47%
II. Cổ đông ngoài nước	-	-	0%
· Cá nhân	-	-	0%
· Tổ chức	-	-	0%
Tổng	30,000,000,000	3,000,000	100%

CƠ CẤU TỶ LỆ SỞ HỮU

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng sở hữu (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu (CP)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn thực góp	3,000,000	30,000,000,000	100%				3,000,000	30,000,000,000	100%
Cổ đông sáng lập	-	-					-	-	0%
Cổ đông tổ chức sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1,410,000	14,100,000,000	47%				1,410,000	14,100,000,000	47%
Cổ đông nắm giữ dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1,590,000	15,900,000,000	53%				1,590,000	15,900,000,000	53%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu :

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức .

6.2. Tiêu thụ năng lượng :

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả .

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động : theo quy định của pháp luật

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2019, Công ty đã không đạt được một vài chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh so với kế hoạch đã đề ra, lý do:

- Giá tiêu vẫn chưa khởi sắc dẫn tới mảnh kinh doanh nông nghiệp không đạt hiệu quả cao, chi phí nhân công vượt quá dự tính do địa bàn hoạt động hiểm trở, rộng lớn. Tuy nhiên, Công ty đang có những bước tiến vững chắc trong quá trình tham gia vào thị trường phân phối, xuất khẩu hạt tiêu.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh được thể hiện chi tiết trong Báo cáo tài chính 2019 đã được kiểm toán.

- Kết quả sản xuất kinh doanh nêu trên là Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Trong năm 2019 công ty đã đạt được những tiến bộ như sau:

+ Đặt chân vào lĩnh vực kinh doanh nông sản và vật tư nông nghiệp, đặc biệt là thị trường xuất khẩu hạt tiêu.

+ Tinh giản hoạt động kinh doanh, rút toàn bộ vốn góp đầu tư với các cá nhân, chi tập trung vào 02 lĩnh vực: Cung cấp dịch vụ chế biến GSGC kinh doanh hàng nông sản.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Năm 2019 tổng giá trị Tài sản của Công ty là 49,48 tỷ đồng, giảm gần 30% so với năm 2018 (giảm 8% so với năm 2018, số liệu chưa thực hiện hồi tố). Do công ty hoàn nhập dự phòng khoản khoản 16,3 tỷ đồng từ khoản bồi thường của vụ án ông Nguyễn Diễm

b) Tình hình nợ phải trả

Tổng nợ phải trả năm 2019 giảm do khoản nợ dài hạn với bà Lương Thị Thùy Liên từ 19 tỷ giảm còn 2 tỷ.

Chỉ tiêu hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2019 là 5.25 cho biết công ty có 5.25 đồng tài sản ngắn hạn để thanh toán ngay cho 1 đồng nợ ngắn hạn, chỉ tiêu này năm 2018 là 6.06, năm 2019 giảm thể hiện khả năng sử dụng tài sản có hiệu quả, điều phối tài chính tốt hơn.

Chỉ tiêu hệ số thanh toán nhanh năm 2019 là 10,42 cho biết công ty có 10.42 đồng tiền và các khoản tương đương tiền để trang trải cho 1 đồng nợ ngắn hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ngày 30/6/2019: Hội ĐHCĐ thông qua BCTC năm 2018 đã được kiểm toán, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ, kế hoạch đầu tư thực hiện năm 2019, thống nhất không chi trả cổ tức 5% từ năm 2014 do công ty vẫn còn lỗ lũy kế.

- Ngày 16/9/2019: Hội HĐQT thông qua việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (dự kiến vào tháng 11/2019)

- Ngày 22/11/2019: Nghị quyết Đại HĐCĐ (thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) thông qua việc bổ sung 2 ngành nghề kinh doanh mới.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

-Tập trung đầu tư vào lĩnh vực cung cấp dịch vụ giết mổ gia súc gia cầm và các sản phẩm thuộc về lĩnh vực này.

- Xây dựng chợ đầu mối súc sản bao gồm thịt heo, bò, gà cho thành phố Đà Nẵng.

- Lên kế hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh thịt sạch tại Đà Nẵng và Hội An.

- Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi theo công nghệ sạch.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải: công ty thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách bảo vệ môi trường, tuân thủ đầy đủ các báo cáo theo quy định của các cơ quan nhà nước.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: người lao động được đảm bảo việc làm, được đào tạo để có đủ kiến thức thực hiện các công việc chuyên môn

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: công ty tham gia đầy đủ và thường xuyên đóng góp cho các các hoạt động cộng đồng

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

a. Công tác quản lý & điều hành kinh doanh

- Năm 2019, trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn thách thức, Hội đồng Quản trị (dưới đây viết tắt là HĐQT) đã đã sát cánh cùng Ban Điều hành, hỗ trợ và giám sát kịp thời các hoạt động của Ban Điều hành, xử lý các vấn đề khó khăn do Ban Điều hành đề xuất, mang lại hiệu quả quản lý cao và từng bước vượt qua những khó khăn, thử thách do môi trường kinh doanh đầy biến động, phức tạp.

- Các thành viên HĐQT nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, trong quản lý điều hành, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, cùng trao đổi bàn bạc để đi đến sự đồng thuận cao, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng điều lệ Công ty quy định. Các biên bản, nghị quyết, quyết định của HĐQT được lưu giữ theo đúng quy định.

b. Công tác nhân sự

- Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ quản lý, bổ nhiệm, luân chuyển phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

- HĐQT đã tiến hành lấy phiếu tín nhiệm đối với các Trưởng phòng trong Công ty để có hướng đào tạo, luân chuyển vào các vị trí thích hợp.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thông qua hệ thống các Nghị quyết, Báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị định kỳ cũng như đột xuất.

- Báo cáo thường xuyên và kịp thời tình hình hoạt động của công ty: hàng tháng báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tình hình kinh doanh... để Hội đồng quản trị đưa ra các điều chỉnh về kịp thời về chiến lược khi tình hình thị trường có chuyển biến mới.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung đầu tư vào lĩnh vực cung cấp dịch vụ chế biến gia súc gia cầm và các sản phẩm giá trị gia tăng thuộc lĩnh vực này.

- Khôi phục lại mảng cung cấp nhân lực, đào tạo và đưa nhân lực đi XK lao động.

- Xây dựng chợ đầu mối súc sản bao gồm thịt heo, bò, gà cho thành phố Đà Nẵng.

- Lên kế hoạch phát triển mạng lưới kinh doanh thịt sạch tại Đà Nẵng và Hội An.

- Góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi theo công nghệ sạch.

V. Quản trị công ty (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này)).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU	Tỷ lệ SHCP	GHI CHÚ
1	Lý Thu Quỳnh	-	0.00%	Chủ tịch HĐQT
2	Phan Hồng Quân	-	0.00%	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Phạm Tuấn Anh	-	0.00%	Thành viên HĐQT

- Các chứng khoán khác do công ty phát hành: Không có

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT thường xuyên theo dõi các hoạt động kinh doanh của Công ty thông qua rà soát để nâng cao hiệu quả quản trị đối với hoạt động điều hành Công ty trong bối cảnh thị trường biến động và nền kinh tế nhiều biến động lớn, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, vì lợi ích của Cổ đông, kiểm soát và hạn chế rủi ro, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

Chủ tịch HĐQT thường xuyên tham gia các cuộc họp xây dựng, định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty, ban hành các văn bản chỉ đạo và các quyết định liên quan đến các vấn đề cơ cấu tổ chức nhân sự cấp cao, xây dựng hệ thống quy chế, quy trình cho các hoạt động nghiệp vụ.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Phó chủ tịch HĐQT – ông Phan Hồng Quân

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:

TT	HỌ VÀ TÊN	SỐ CP SỞ HỮU	Tỷ lệ HCP	GHI CHÚ
1	Bùi Thanh Thủy	-	0.00%	Trưởng BKS
2	Nguyễn Văn Quý	-	0.00%	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Xuân Thu	-	0.00%	Thành viên BKS

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

• **Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát có 03 thành viên, hầu hết các thành viên đều thực hiện công tác **kiểm nhiệm** tại Ban kiểm soát, do đó thời gian hoạt động hết sức hạn chế. Mặc dầu vậy, các thành viên Ban kiểm soát cũng đã sắp xếp thời gian để thực hiện tốt nhiệm vụ.

• **Số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát:** Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã tổ chức họp được 4 lần (mỗi quý tổ chức họp 1 lần)

• **Nội dung và kết quả của các cuộc họp:** Kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo quyết toán các quý. Kiểm tra quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT đối với Ban điều hành về các vấn đề như xây dựng cơ bản, đầu tư trang thiết bị tại Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm Đà Nẵng (tiền thân là Trung tâm Chế biến Gia súc, gia cầm Đà Nẵng). Cảnh báo những rủi ro và các khoản lỗ tiềm ẩn, đưa ra các hướng xử lý để cùng HĐQT, BĐH giải quyết các vấn đề còn tồn tại tại Công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Lương, thưởng, thù lao đối với Tổng giám đốc (Bậc 1): 14.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với Tổng giám đốc (Bậc 2): 18.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với phó Tổng giám đốc (Bậc 1): 10.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với phó Tổng giám đốc (Bậc 2): 14.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với Kế toán trưởng (Bậc 1): 9.000.000/ tháng.

Lương, thưởng, thù lao đối với Kế toán trưởng (Bậc 2): 12.000.000/ tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không phát sinh giao dịch

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: thực hiện theo quy định của pháp luật

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: chấp thuận toàn bộ

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

CHỦ TỊCH



LY THU QUỲNH